



**CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN  
SÀI GÒN – QUY NHƠN**

Số : 01074../CV-SQC-20

V/v : Công bố thông tin Báo cáo Tài chính Quý 1 năm 2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quy Nhơn, ngày 17 tháng 4 năm 2020

**Kính gửi :** - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;  
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

1. Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN – QUY NHƠN**
2. Mã Chứng khoán: **SQC**
3. Trụ sở chính: **Lô B6, Đường số 5, Khu Công nghiệp Nhơn Hội, Tp.Quy Nhơn, Bình Định.**
4. Điện thoại: **(84-256) 3 535080** Fax: **(84-256) 3 535080**
5. Người đại diện Công bố thông tin (ủy quyền công bố thông tin): **Kiều Thanh Tuấn.**
6. Nội dung thông tin công bố:
  - 6.1 Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2020 được lập ngày 15/4/2020, bao gồm : Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.
  - 6.2 Nội dung giải trình (lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 1/2020 là 71.000.645 đồng so với số lỗ của Quý 1/2019 là 3.772.214.363 đồng): Quý 1/2020 Công ty xuất bán thành phẩm Xi titan tồn kho đồng thời cắt giảm chi phí quản lý doanh nghiệp, giảm chi phí khấu hao do một số tài sản đã khấu hao hết dẫn đến lãi so với cùng kỳ năm trước.
7. Địa chỉ Website đăng toàn bộ Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2020: <https://www.sqemining.com>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

- Nơi nhận :
- UBCK NN;
  - SGDCCK HN;
  - Lưu HC, CBTT.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**KIÊU THANH TUẤN**



SAIGON QUY NHON MINING CORP.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN – QUY NHƠN**  
**Lô B6, đường số 5, KCN Nhơn Hội, TP. Quy Nhơn, Bình Định**  
**Mã số thuế: 4100624513**

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **Quý 1 năm 2020**

*Quy Nhơn, tháng 4 năm 2020*

# MỤC LỤC

---- oOo ----

---

	Trang
1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	01-02
2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	03
3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	04-05
4. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	06-19

---

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2020	01/01/2020
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>13.247.480.537</b>	<b>20.953.617.095</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>3.160.836.899</b>	<b>3.792.070.290</b>
1. Tiền	111		1.860.836.899	992.070.290
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.300.000.000	2.800.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>43.900.000</b>	<b>421.652.036</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	-	198.000.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		30.000.000	30.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	13.900.000	193.652.036
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.5</b>	<b>8.164.584.649</b>	<b>14.858.847.640</b>
1. Hàng tồn kho	141		8.164.584.649	14.858.847.640
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.878.158.989</b>	<b>1.881.047.129</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	708.255.456	746.155.761
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		685.740.753	650.728.588
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		484.162.780	484.162.780
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>792.303.723.285</b>	<b>794.156.755.038</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>56.497.902.105</b>	<b>55.900.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		56.497.902.105	55.900.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>38.613.744.683</b>	<b>40.550.842.193</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	38.613.744.683	40.550.842.193
- Nguyên giá	222		263.665.198.194	264.706.698.194
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(225.051.453.511)	(224.155.856.001)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	-	-
- Nguyên giá	228		73.876.000	73.876.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(73.876.000)	(73.876.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.6</b>	<b>8.334.051.749</b>	<b>8.719.105.597</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		8.334.051.749	8.719.105.597
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>676.111.253.196</b>	<b>676.111.253.196</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		648.950.000.000	648.950.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		65.800.000.000	65.800.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(38.638.746.804)	(38.638.746.804)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12.746.771.552</b>	<b>12.875.554.052</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	10.989.018.664	11.117.801.164
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.757.752.888	1.757.752.888
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>270</b>		<b>805.551.203.822</b>	<b>815.110.372.133</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2020	01/01/2020
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>36.981.844.814</b>	<b>46.612.013.770</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>36.981.844.814</b>	<b>46.612.013.770</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	417.337.925	549.349.611
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	11.162.766	4.923.550
4. Phải trả người lao động	314		7.356.150	12.966.750
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		145.326.880	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	5.900.661.093	5.499.773.859
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		30.500.000.000	40.545.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>768.569.359.008</b>	<b>768.498.358.363</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.13</b>	<b>768.569.359.008</b>	<b>768.498.358.363</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.100.000.000.000	1.100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.100.000.000.000	1.100.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.000.000.000	5.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	415		(209.430.975.950)	(209.430.975.950)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(126.999.665.042)	(127.070.665.687)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ t	421a		(127.070.665.687)	(98.132.743.879)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		71.000.645	(28.937.921.808)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>805.551.203.822</b>	<b>815.110.372.133</b>

Tp. Quy Nhơn, ngày 15 tháng 4 năm 2020

Người lập và Kế toán trưởng



Kiều Thanh Tuấn

Tổng Giám đốc



Huỳnh Thị Ngọc Lan

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/03/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1/2020	Quý 1/2019	Lũy kế từ đầu năm đến Quý 1/2020	Lũy kế từ đầu năm đến Quý 1/2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	10.559.707.078	-	10.559.707.078	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>10.559.707.078</b>	<b>-</b>	<b>10.559.707.078</b>	<b>-</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	8.053.240.562	1.706.780.634	8.053.240.562	1.706.780.634
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>2.506.466.516</b>	<b>(1.706.780.634)</b>	<b>2.506.466.516</b>	<b>(1.706.780.634)</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	29.474.526	3.512.059	29.474.526	3.512.059
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	474.256.424	580.880.684	474.256.424	580.880.684
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>440.423.014</i>	<i>580.880.684</i>	<i>440.423.014</i>	<i>580.880.684</i>
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	956.383.149	462.871.602	956.383.149	462.871.602
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	790.156.067	1.069.588.502	790.156.067	1.069.588.502
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>315.145.402</b>	<b>(3.816.609.363)</b>	<b>315.145.402</b>	<b>(3.816.609.363)</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.7	140.909.091	44.395.000	140.909.091	44.395.000
12. Chi phí khác	32	VI.8	385.053.848	-	385.053.848	-
<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(244.144.757)</b>	<b>44.395.000</b>	<b>(244.144.757)</b>	<b>44.395.000</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>71.000.645</b>	<b>(3.772.214.363)</b>	<b>71.000.645</b>	<b>(3.772.214.363)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>71.000.645</b>	<b>(3.772.214.363)</b>	<b>71.000.645</b>	<b>(3.772.214.363)</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1	(35)	1	(35)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Người lập và Kế toán trưởng



Kiều Thanh Tuấn

Tp. Quy Nhơn, ngày 15 tháng 4 năm 2020

Tổng Giám đốc



Huỳnh Thị Ngọc Lan

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/03/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến Quý 1/2020	Lũy kế từ đầu năm đến Quý 1/2019
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01	<b>71.000.645</b>	<b>(3.772.214.363)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản :</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.937.097.510	2.083.790.562
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	208.186.279	(3.512.059)
- Chi phí lãi vay	06	440.423.014	580.880.684
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>2.656.707.448</b>	<b>(1.111.055.176)</b>
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09	(255.162.234)	(231.665.964)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10	6.694.262.991	(89.314.532)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(25.591.970)	285.112.767
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12	166.682.805	195.520.708
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>9.236.899.040</b>	<b>(951.402.197)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	155.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27	21.867.569	3.512.059
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>176.867.569</b>	<b>3.512.059</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/03/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến Quý 1/2020	Lũy kế từ đầu năm đến Quý 1/2019
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ di vay	33	30.500.000.000	1.430.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(40.545.000.000)	-
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(10.045.000.000)</b>	<b>1.430.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(631.233.391)</b>	<b>482.109.862</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>3.792.070.290</b>	<b>767.582.447</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>3.160.836.899</b>	<b>1.249.692.309</b>

Tp. Quy Nhơn, ngày 15 tháng 4 năm 2020

Người lập và Kế toán trưởng



Kiều Thanh Tuấn

Tổng Giám đốc



Huỳnh Thị Ngọc Lan



# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/03/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

### 1. Thành lập:

Công ty Cổ phần Khoáng sản Sài Gòn - Quy Nhơn hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 353031000005 do Ban quản lý Khu kinh tế Nhơn Hội tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 11/12/2006, thay đổi lần thứ 11 ngày 03/02/2016.

**Tên tiếng Anh:** Sai Gon - Quy Nhon Mining Corporation.

**Tên viết tắt:** SQC

**Mã chứng khoán:** SQC

**Trụ sở chính:** Lô B6, Đường số 5, KCN Nhơn Hội, xã Nhơn Hội, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

**2. Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.

**3. Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, xây dựng, khai thác và chế biến quặng Titan

### 4. Ngành nghề kinh doanh:

- Khai thác, chế biến, mua bán quặng Titan và các sản phẩm hậu Titan;
- Gia công, chế tạo, mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai thác khoáng sản (chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao;
- San lấp mặt bằng, làm đường giao thông nội bộ trong mặt bằng xây dựng;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống ...).
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng, vữa;
- Cho thuê nhà xưởng phục vụ các mục đích sản xuất kinh doanh;

## II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/03/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán.

- Tỷ giá giao dịch thực tế
- Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền.

**Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm:** Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.**

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VNĐ) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

### 3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết:** được ghi nhận khi công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các Công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư nếu công ty này là công ty mẹ, và là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác :** Là khoản công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư.

### 4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu. Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu của khách hàng và phải thu khác.

Phải thu của khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, có tính chất mua - bán như : phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý nhượng bán tài sản.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/03/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Bình quân gia quyền.

**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):**

**6.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

*Tài sản cố định hữu hình mua sắm*

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

**6.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:**

**Tài sản cố định vô hình** được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

*Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

**6.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

**Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:**

Nhà xưởng, vật kiến trúc 02 - 15 năm

Máy móc, thiết bị 02 - 15 năm

Phương tiện vận tải 04 - 07 năm

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/03/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thiết bị dụng cụ quản lý và khác

02 - 15 năm

Phần mềm máy tính

02 năm

**7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng,; chi phí thiết bị và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

**Chi phí trả trước tại công ty bao gồm:** Chi phí thuê đất, chi phí mua sắm công cụ, dụng cụ, giá trị còn lại của các tài sản không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại điều 3 của Thông tư 45 và các chi phí khác... liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ.

**Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:** Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Theo dõi chi tiết từng khoảng chi phí trả trước theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ và còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

**9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả. Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác.

Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản.

Các khoản phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, tài sản như : phải trả về tiền phạt, bồi thường, các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,.....

**10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

**Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần:** Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/03/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:**

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; Lãi chuyển nhượng vốn)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/03/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ bán trong kỳ; các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

**13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

**Chi phí tài chính bao gồm:** Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái; Chiết khấu thanh toán cho người mua và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

**14. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

**Chi phí bán hàng** là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ như : vận chuyển, kiểm nghiệm hàng bán, giới thiệu hàng mẫu, nhân công khuân vác,...

**Chi phí quản lý doanh nghiệp** là các chi phí quản lý chung gồm các chi phí về lương bộ phận quản lý; BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ của nhân viên quản lý; khấu hao TSCĐ, chi phí vật liệu văn phòng, các khoản chi phí mua ngoài và bằng tiền khác.

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm và hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

Doanh nghiệp chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành của Công ty là 20%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/03/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/03/2020	01/01/2020
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
<b>Tiền</b>	<b>1.860.836.899</b>	<b>992.070.290</b>
Tiền mặt	52.891.365	36.123.959
Tiền mặt VNĐ	52.891.365	36.123.959
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.807.945.534	955.946.331
Tiền gửi ngân hàng VNĐ	1.800.910.619	921.593.252
Tiền gửi ngân hàng ngoại tệ	7.034.915	34.353.079
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>1.300.000.000</b>	<b>2.800.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	1.300.000.000	2.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.160.836.899</b>	<b>3.792.070.290</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

	31/03/2020		01/01/2020	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Đầu tư vào Công ty liên do</b>	<b>26.535.000</b>	<b>648.950.000.000</b>	<b>26.535.000</b>	<b>648.950.000.000</b>
Công ty CP dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	26.535.000	648.950.000.000	26.535.000	648.950.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>6.580.000</b>	<b>65.800.000.000</b>	<b>6.580.000</b>	<b>65.800.000.000</b>
Công ty CP Đầu tư Sài Gòn	6.580.000	65.800.000.000	6.580.000	65.800.000.000
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>(38.638.746.804)</b>	<b>-</b>	<b>(38.638.746.804)</b>
<b>Cộng</b>	<b>33.115.000</b>	<b>676.111.253.196</b>	<b>33.115.000</b>	<b>676.111.253.196</b>

	31/03/2020	01/01/2020
<b>3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
3.1 Phải thu khách hàng trong nước	-	198.000.000
Công ty CP Địa ốc Nam Việt		198.000.000
3.2 Phải thu khách hàng nước ngoài	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>198.000.000</b>

	31/03/2020	01/01/2020
<b>4. Phải thu ngắn hạn khác</b>		
4.1 Ngắn hạn	13.900.000	193.652.036
- Ký cược, ký quỹ	2.300.000	2.300.000
- Tạm ứng	11.600.000	191.352.036
4.2 Dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>13.900.000</b>	<b>193.652.036</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/03/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/03/2020	01/01/2020		
<b>5. Hàng tồn kho</b>				
Nguyên liệu, vật liệu	7.089.478.557	7.107.702.557		
Công cụ, dụng cụ	124.883.811	124.883.811		
Chi phí SX, KD dở dang	-	1.206.101.714		
Thành phẩm	368.851.678	368.851.678		
Hàng hoá	581.370.603	6.051.307.880		
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>8.164.584.649</b>	<b>14.858.847.640</b>		
(-) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-		
<b>Cộng giá trị thuần hàng tồn kho</b>	<b>8.164.584.649</b>	<b>14.858.847.640</b>		
<b>6. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>31/03/2020</b>	<b>01/01/2020</b>		
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8.334.051.749	8.719.105.597		
Nhà máy sản xuất xi titan	8.334.051.749	8.719.105.597		
<b>Cộng</b>	<b>8.334.051.749</b>	<b>8.719.105.597</b>		
<b>7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình</b> : xem thuyết minh tại trang 18				
<b>8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình</b>				
	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm máy tính</b>	<b>Nhãn hiệu hàng hóa</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	-	73.876.000	-	73.876.000
<i>Giảm khác</i>		-		-
Số dư cuối năm	-	73.876.000	-	73.876.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	-	73.876.000	-	73.876.000
<i>Giảm khác</i>		-		-
Số dư cuối năm	-	73.876.000	-	73.876.000
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	-
<b>9. Chi phí trả trước</b>	<b>31/03/2020</b>	<b>01/01/2020</b>		
- Ngắn hạn	708.255.456	746.155.761		
- Dài hạn	10.989.018.664	11.117.801.164		
<b>Cộng</b>	<b>11.697.274.120</b>	<b>11.863.956.925</b>		



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/03/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/03/2020	01/01/2020
<b>10. Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
10.1 Phải trả người bán trong nước	417.337.925	549.349.611
- Phải trả người bán ngắn hạn	417.337.925	549.349.611
+ Công ty CP Cảng Quy Nhơn	-	115.881.190
+ Công ty TNHH Tư vấn TK và XD Đạt An Phát	225.588.150	225.588.150
+ CN Cty CP Đại lý Vận tải Safi tại Bình Định	-	126.820.271
+ Đặng Quốc Linh	122.345.000	-
+ Công ty TNHH TM và DV Khang Khang	68.640.000	-
+ Các khoản phải trả người bán khác	764.775	81.060.000
- Phải trả người bán dài hạn	-	-
10.2 Phải trả người bán nước ngoài	-	-
<b>Cộng</b>	<b>417.337.925</b>	<b>549.349.611</b>
<b>11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>		
11.1 Phải nộp	11.162.766	4.923.550
Thuế thu nhập cá nhân	11.162.766	4.923.550
11.2 Phải thu	484.162.780	484.162.780
Thuế thu nhập doanh nghiệp	484.162.780	484.162.780
<b>Cộng</b>	<b>(473.000.014)</b>	<b>(479.239.230)</b>
<b>12. Phải trả ngắn hạn khác</b>		
- Ngắn hạn	5.900.661.093	5.499.773.859
Kinh phí công đoàn	-	33.102.800
Bảo hiểm xã hội	5.138.250	-
Bảo hiểm y tế	1.078.200	-
Bảo hiểm thất nghiệp	403.000	-
Phải trả, phải nộp khác	5.894.041.643	5.466.671.059
- Dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.900.661.093</b>	<b>5.499.773.859</b>
<b>13. Vốn chủ sở hữu</b>		
13.1 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: Xem Thuyết minh tại trang 19		
13.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	31/03/2020	01/01/2020
Vốn góp của các nhà đầu tư khác	1.100.000.000.000	1.100.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.100.000.000.000</b>	<b>1.100.000.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/03/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**13.3 Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận:**

	31/03/2020	01/01/2020
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	1.100.000.000.000	1.100.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	1.100.000.000.000	1.100.000.000.000

**13.4 Cổ phiếu**

	31/03/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	120.000.000	120.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	110.000.000	110.000.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	110.000.000	110.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	2.701.000	2.701.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	2.701.000	2.701.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	107.299.000	107.299.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	107.299.000	107.299.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ/cổ phiếu

**14. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**

	31/03/2020	01/01/2020
Ngoại tệ các loại		
- USD	304,41	1.211,60
- EUR	-	210,65

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý 1/2020	Quý 1/2019
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	10.559.707.078	-
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>10.559.707.078</b>	<b>-</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10.559.707.078</b>	<b>-</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Quý 1/2020	Quý 1/2019
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	6.627.621.722	-
Giá vốn khác	1.425.618.840	1.706.780.634
<b>Cộng</b>	<b>8.053.240.562</b>	<b>1.706.780.634</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/03/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Quý 1/2020	Quý 1/2019
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21.867.569	3.512.059
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.606.957	-
<b>Cộng</b>	<b>29.474.526</b>	<b>3.512.059</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
Lãi vay	440.423.014	580.880.684
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	33.833.410	-
<b>Cộng</b>	<b>474.256.424</b>	<b>580.880.684</b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí vật liệu, bao bì	18.224.000	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	247.122.672	247.122.672
Chi phí dịch vụ mua ngoài	658.094.937	143.807.390
Chi phí bằng tiền khác	32.941.540	71.941.540
<b>Cộng</b>	<b>956.383.149</b>	<b>462.871.602</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	212.939.950	585.685.550
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	4.160.848
Chi phí khấu hao TSCĐ	330.344.421	330.344.421
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.618.017	34.283.015
Chi phí bằng tiền khác	223.253.679	111.114.668
<b>Cộng</b>	<b>790.156.067</b>	<b>1.069.588.502</b>
<b>7. Thu nhập khác</b>		
Thu nhập khác	-	44.395.000
Thanh lý tài sản cố định	118.181.818	-
Thanh lý tài sản dở dang	22.727.273	-
<b>Cộng</b>	<b>140.909.091</b>	<b>44.395.000</b>
<b>8. Chi phí khác</b>		
Thanh lý tài sản dở dang	385.053.848	-
<b>Cộng</b>	<b>385.053.848</b>	<b>-</b>
<b>9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	71.000.645	(3.772.214.363)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	71.000.645	(3.772.214.363)
Cổ phiếu công đang lưu hành bình quân trong kỳ	107.299.000	107.299.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1</b>	<b>(35)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/03/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

- a) Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua cho thuê tài chính: không phát sinh
- b) Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo: không phát sinh
- c) Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện: không phát sinh

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

1. Giao dịch với các bên liên quan.
2. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Tp. Quy Nhơn, ngày 15 tháng 4 năm 2020

Người lập và Kế toán trưởng



Kiều Thanh Tuấn



Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Lan

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/03/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư 01/01/2020	97.638.093.525	163.657.056.362	554.532.696	492.205.579	2.364.810.032	264.706.698.194
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	1.041.500.000	-	-	-	1.041.500.000
Số dư 31/03/2020	97.638.093.525	162.615.556.362	554.532.696	492.205.579	2.364.810.032	263.665.198.194
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư 01/01/2020	63.604.061.609	157.819.282.922	554.532.696	492.205.579	1.685.773.195	224.155.856.001
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	1.584.571.818	318.573.852	-	-	33.951.840	1.937.097.510
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	1.041.500.000	-	-	-	1.041.500.000
Số dư 31/03/2020	65.188.633.427	157.096.356.774	554.532.696	492.205.579	1.719.725.035	225.051.453.511
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư 01/01/2020	34.034.031.916	5.837.773.440	-	-	679.036.837	40.550.842.193
Số dư 31/03/2020	32.449.460.098	5.519.199.588	-	-	645.084.997	38.613.744.683



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN - QUY NHƠN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/03/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**13. Vốn chủ sở hữu**

**13.1 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2019	1.100.000.000.000	5.000.000.000	(209.430.975.950)	-	(98.132.743.879)	797.436.280.171
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	(28.937.921.808)	(28.937.921.808)
Số dư tại ngày 31/12/2019	1.100.000.000.000	5.000.000.000	(209.430.975.950)	-	(127.070.665.687)	768.498.358.363
Số dư tại ngày 01/01/2020	1.100.000.000.000	5.000.000.000	(209.430.975.950)	-	(127.070.665.687)	768.498.358.363
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	71.000.645	71.000.645
Số dư tại ngày 31/03/2020	1.100.000.000.000	5.000.000.000	(209.430.975.950)	-	(126.999.665.042)	768.569.359.008